UBND XÃ QUẢNG PHÚ
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN TRỖI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Số: 19/KH-NVT

Quảng Phú, ngày 22 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG
Năm học 2026 – 2027

(Bổ sung tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục liêm chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và giáo dục tiết kiệm, chống lãng phí. Tích hợp nội dung giáo dục, học tập, thực hành tư tưởng đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong các môn học và hoạt động giáo dục)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Luật Giáo dục và các văn bản hướng dẫn thi hành hiện hành.

Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường tiểu học và các quy định liên quan.

Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học.

Quyết định số 2308/QĐ-BGDĐT ngày 06/8/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung thời gian năm học 2026-2027 và các hướng dẫn của địa phương.

Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 13/8/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về thực hiện nhiệm vụ năm học 2026-2027 và các văn bản chỉ đạo của ngành Giáo dục tỉnh Lâm Đồng.

Kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục năm học 2025-2026; điều kiện đội ngũ, học sinh, cơ sở vật chất và tình hình thực tế của Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi đóng trên địa bàn xã Quảng Phú, tỉnh Lâm Đồng, là địa bàn miền núi, đời sống nhân dân chủ yếu dựa vào sản xuất nông nghiệp. Điều kiện kinh tế của một bộ phận gia đình còn khó khăn; học sinh dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ đáng kể, điều kiện và khả năng học tập của học sinh chưa đồng đều.

Địa phương luôn quan tâm đến công tác giáo dục, tạo điều kiện để nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học. Tuy nhiên, đặc điểm địa bàn và điều kiện kinh tế của một số gia đình đặt ra yêu cầu nhà trường phải linh hoạt trong tổ chức dạy học, tăng cường hỗ trợ học sinh còn hạn chế về tiếng Việt, kỹ năng đọc hiểu, ý thức và phương pháp học tập**,** đồng thời phối hợp chặt chẽ với cha mẹ học sinh trong việc duy trì sĩ số và nâng cao chất lượng giáo dục.

Những đặc điểm trên vừa tạo điều kiện để nhà trường tổ chức các hoạt động giáo dục gắn với thực tiễn địa phương, vừa đặt ra yêu cầu phải thực hiện chương trình linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh; quan tâm giáo dục tiếng Việt, duy

trì sĩ số, hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số và tăng cường phối hợp giữa nhà trường với gia đình.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2026 - 2027

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

STT	Lớp	TS HS	Nữ		Dân tộc	
			SL	TL	SL	TL
1	TS	528	245	46.31	192	36.29
2	Tổng	106	47	44.34	30	28.30
3	1A1	32	14	43.75	8	25.00
4	1A2	30	14	46.67		0.00
5	1A3	30	14	46.67	8	26.67
6	1A4	14	5	35.71	14	100.00
7	Tổng	111	52	46.85	42	37.84
8	2A1	35	16	45.71	10	28.57
9	2A2	31	15	48.39	10	32.26
10	2A3	34	15	44.12	11	32.35
11	2A4	11	6	54.55	11	100.00
12	Tổng	117	50	43.22	44	37.29
13	3A1	35	15	42.86	12	34.29
14	3A2	35	19	54.29	12	34.29
15	3A3	34	10	29.41	8	23.53
16	3A4	14	7	50.00	12	85.71
17	Tổng	87	39	44.83	35	40.23
18	4A1	36	18	50.00	11	30.56
19	4A2	37	16	43.24	11	29.73
20	4A3	14	5	35.71	13	92.86
21	Tổng	107	56	52.34	41	38.32
22	5A1	32	13	40.63	10	31.25
23	5A2	29	17	58.62	11	37.93
24	5A3	30	18	60.00	5	16.67
25	5A4	16	8	50.00	15	93.75

-Tỷ lệ huy động đúng độ tuổi vào lớp 1 đạt 100%.

-Tỉ lệ học sinh/lớp ở trung tâm; 33 HS/lớp

-Tỉ lệ học sinh/lớp ở phân hiệu; 14 HS/lớp

- Học sinh được học 2 buổi/ngày đạt 100% (9 buổi/tuần)

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

- Tổng số CB, GV, NV: 33 đồng chí. Trong đó
- CBQL: 3 đồng chí (Hiệu trưởng 1; Phó hiệu trưởng 2)
- Giáo viên: 26 đồng chí

- Giáo viên làm tổng phụ trách đội: 1 đồng chí
- Nhân viên: 2 đồng chí (Thư viện 1, Kế toán 1, Văn thư 1; bảo vệ 1)
- Tỉ lệ giáo viên/lớp: 1,36
- Trình độ chuyên môn giáo viên: - Đại học: 30/30 đồng chí đạt tỉ lệ 100%.
- Số lượng đảng viên: 15/30 đồng chí đạt tỷ lệ 50 %

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học.

Tổng số phòng học: 27 phòng (Trung tâm 22 phòng, PH 5 phòng bán kiên cố)

Trong đó: - Phòng kiên cố: 14 phòng

- Phòng bán kiên cố: 13 phòng

Tỷ lệ lớp/phòng : 1 lớp/ phòng, đủ phòng học để tổ chức dạy 2 buổi/ngày.

Trang thiết bị và đồ dùng dạy học cơ bản đáp ứng đủ cho giáo viên và học sinh trong việc dạy & học.

3. Đánh giá thuận lợi, khó khăn và những yếu tố tác động đến việc thực hiện chương trình

3.1. Thuận lợi

- Quy mô 19 lớp, đội ngũ cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện chương trình.
- Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, thuận lợi cho củng cố kiến thức, hỗ trợ học sinh.
- Giáo viên có tinh thần trách nhiệm, tích cực đổi mới phương pháp dạy học.
- Cấp ủy, chính quyền địa phương và cha mẹ học sinh quan tâm, phối hợp với nhà trường.
- Đội ngũ có kinh nghiệm hơn trong xây dựng và thực hiện CTGDPT 2018.

3.2. Khó khăn

- Một bộ phận gia đình học sinh còn khó khăn, việc hỗ trợ học tập tại nhà hạn chế.
- Năng lực học sinh không đồng đều; một số học sinh DTTS còn hạn chế tiếng Việt, đọc hiểu.
- Một số học sinh còn thụ động, chưa có thói quen tự học.
- Năng lực ứng dụng CNTT, khai thác học liệu số của giáo viên chưa đồng đều.
- Cơ sở vật chất, thiết bị và nguồn lực cho một số hoạt động còn hạn chế.

3.3. Yếu tố tác động và định hướng xử lý

Nhà trường thực hiện chương trình theo hướng chủ động, linh hoạt, phù hợp điều kiện thực tế**,** bảo đảm yêu cầu cần đạt của CTGDPT 2018. Tập trung nâng cao hiệu quả dạy học 2 buổi/ngày; phân hóa, hỗ trợ học sinh; tăng cường tiếng Việt và đọc hiểu; duy trì chuyên cần; đổi mới sinh hoạt chuyên môn; triển khai STEM/STEAM, năng lực số phù hợp; khai thác hiệu quả cơ sở vật chất và phối hợp với cha mẹ học sinh.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC

Thực hiện đầy đủ, đúng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông 2018; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày phù hợp điều kiện nhà trường, bảo đảm thời lượng, nội dung và yêu cầu cần đạt.

Phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; chú trọng năng lực đọc hiểu, giao tiếp, tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác và năng lực số.

Nâng cao chất lượng thực chất, quan tâm học sinh chưa hoàn thành, học sinh có nguy cơ bỏ học/chuyên cần thấp và học sinh dân tộc thiểu số; bảo đảm cơ hội học tập cho mọi học sinh.

Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá; tăng cường nghiên cứu bài học, STEM/STEAM, giáo dục kỹ năng số phù hợp.

Phát triển đội ngũ theo hướng tự học, chia sẻ, hỗ trợ đồng nghiệp; nâng cao hiệu quả sinh hoạt tổ chuyên môn.

Đẩy mạnh chuyển đổi số, quản trị nhà trường, sử dụng hồ sơ điện tử phù hợp quy định; bảo đảm an toàn trường học, dân chủ và phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC TRONG NĂM HỌC

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

TT	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK 1	HK2
1.	**Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc**															
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Ngoại Ngữ 1.							140	72	68	140	72	68	140	72	68
4	Đạo Đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
5	Tự nhiên và xã hội	70	36	34	70	36	34	70	36	34						
6	Lịch sử và Địa lý										70	36	34	70	36	34
7	Khoa học										70	36	34	70	36	34
8	Tin học - CN							70	36	34	70	36	34	70	36	34
9	Giáo dục thể chất	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34	70	36	34
11	Hoạt động trải nghiệm	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51	105	54	51
Tổng số tiết bắt buộc		875	450	425	875	450	425	980	504	476	1050	540	510	1050	540	510
Đọc thư viện		35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17
Tổng số tiết bắt buộc + Đọc thư viện		910	468	442	910	468	442	1015	522	493	1085	558	257	1085	558	527
2.	**Môn học tự chọn**															

1	Tiếng dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Ngoại ngữ 1 (lớp 1, 2)	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	Tin học	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Anh văn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3. Hoạt động củng cố, tăng cường (Số tiết tăng cường buổi học thứ 2 của mỗi môn học và HĐGD với hình thức linh hoạt)																
1	Tiếng Việt tăng cường	140	72	68	140	72	68	70	36	34	0	0	0	0	0	0
2	Toán tăng cường	105	54	51	105	54	51	70	36	34	70	36	34	70	36	34
Tổng số tiết Tăng cường		245	126	119	245	126	119	140	72	68	70	36	34	70	36	3
TỔNG		**1155**	**594**	**541**	**1155**	**594**	**541**	**1155**	**594**	**561**	**1155**	**594**	**561**	**1155**	**594**	**561**

2. Hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Thời gian	Chủ đề/hoạt động trọng tâm	Sản phẩm/kết quả
Tháng 9/2026	Ổn định nền nếp; an toàn trường học; nội quy; văn hóa đọc; truyền thống nhà trường.	Nền nếp lớp; cam kết thực hiện nội quy; góc đọc sách.
Tháng 10/2026	Chăm ngoan - học tốt; kỹ năng giao tiếp, hợp tác; phòng chống bạo lực học đường.	Hoạt động theo lớp/khối; sản phẩm tuyên truyền.
Tháng 11/2026	Tôn sư trọng đạo; tri ân thầy cô; thi đua học tốt.	Sản phẩm tri ân; hoạt động trải nghiệm.
Tháng 12/2026	Uống nước nhớ nguồn; giáo dục truyền thống; an toàn giao thông.	Hoạt động tìm hiểu, tuyên truyền.
Tháng 1/2027	Xuân yêu thương; chia sẻ, giúp đỡ bạn; kỹ năng tự bảo vệ.	Hoạt động hỗ trợ học sinh khó khăn.

Tháng 2/2027	Mừng Đảng - mừng Xuân; giữ gìn bản sắc văn hóa địa phương.	Hoạt động văn hóa, trải nghiệm.
Tháng 3/2027	Tiến bước lên Đoàn; kỹ năng số, sử dụng Internet an toàn.	Sản phẩm tuyên truyền/kỹ năng số.
Tháng 4/2027	Ngày sách và văn hóa đọc; bảo vệ môi trường.	Ngày hội đọc sách; sản phẩm tái chế.
Tháng 5/2027	Bác Hồ với thiếu nhi; tổng kết năm học; bàn giao học sinh về gia đình.	Hồ sơ tổng kết; đánh giá kết quả; bàn giao.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học:

Nhà trường tổ chức rèn luyện kỹ năng phòng chống đuối nước, kĩ năng bơi

LỊCH HỌC BƠI CÁC TUẦN

Năm học: 2026 - 2027

TT	Lớp	Thời gian	Ngày học	GV phụ trách
1	3a1	13h30 – 14h30	Chiều thứ 4 hàng tuần	Thầy Tâm
2	3a2	14h30 – 15h30		Thầy Tâm
3	4a1	8h00’ – 9h00’	Sáng thứ 7 hàng tuần	Thầy Tâm
4	4a2	9h00 – 10h00		Thầy Tâm
5	4a3	10h00 – 11h00		Thầy Tâm
6	5a1	13h00 – 14h00	Sáng thứ 7 hàng tuần	Thầy Tuấn
7	5a2	14h00 – 15h00		Thầy Tuấn
8	5a3	15h00 – 16h00		Thầy Tuấn

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường tổ chức các hoạt động đồng bộ như điểm chính.

Tăng cường tiếng việt cho học sinh, tăng cường tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm tạo sự tự tin và mạnh dạn cho các em trong giao tiếp.

Tổ chức đưa học sinh lớp 3,4,5 về tại điểm chính học môn tin học.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2026-2027 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Quyết định số 4120/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng, Quyết định ban hành Khung kế hoạch thời gian năm học 2026-2027 đối

với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

- Tựu trường sớm nhất trước 01 tuần so với ngày tổ chức khai giảng.Riêng đối với lớp 1, lớp 9, lớp 12 tựu trường sớm nhất trước 02 tuần so với ngày tổ chức khai giảng (giáo dục mầm non không tổ chức tựu trường).
- Tổ chức khai giảng vào ngày 05 tháng 9 hằng năm.
- Thời gian kết thúc học kỳ và năm học
- Kết thúc học kỳ I trước ngày 18 tháng 01 hằng năm.
- Hoàn thành chương trình học kỳ II và kết thúc năm học trước ngày 31 tháng 5 năm 2027.
- Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học và xét công nhận hoàn thành chương trình trung học cơ sở trước ngày 30 tháng 6 hằng năm.
- Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7 hằng năm.
- Tại trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi thời gian thực hiện chương trình năm học 2026 - 2027 cụ thể như sau:

4.1. Đối với khối lớp 1

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(phụ lục đính kèm)*

Thời khóa biểu									
Thời gian		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Điều chỉnh
Buổi	Tiết								
Sáng	1	HĐTN	TNXH	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán			
	2	Tiếng Việt	Đạo Đức	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán TC			
	3	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	ĐTV	GDTC			
	4	Toán	Tiếng Việt	Âm nhạc	TNXH	Tiếng Việt			
	5			HĐTN					
Chiều	6	Tiếng Việt	TVTC	Sinh hoạt chuyên môn khối theo kế hoạch	Tiếng Việt	TVTC			
	7	Tiếng Việt	Mỹ thuật		TVTC	TVTC			
	8	Toán TC	GDTC		TVTC	HĐTN			
Tổng số tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP			
TT	**Nội dung**	**Số lượng tiết học/ Tuần**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	12 tiết/ tuần	
2	Toán	3 tiết/ tuần	

3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	Tự nhiên và Xã hội	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1 tiết/ tuần	
7	HĐTN	3 tiết/ tuần	
8	Thể dục/GDTC	2 tiết/ tuần	
9	Đọc thư viện	1 tiết/ tuần	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	7	
11	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM 2 lần/tháng	SHCM 2 lần/tháng
12	Các ngày nghỉ trong năm	4 ngày	Tết dương lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; ngày 30/4, 1/5 Giải phóng Miền Nam ;Quốc tế lao động và. Căn cứ vào kế hoạch nghỉ của cấp trên sẽ có lịch điều chỉnh dạy bù phù hợp.
13	Tổng số tiết học kỳ I	594	
14	Tổng số tiết học kỳ II	561	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 *(kèm theo kế hoạch khối 1)*

4.2. Đối với khối lớp 2

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(phụ lục đính kèm)*

Thời khóa biểu									
THỜI GIAN		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	Điều chỉnh
Buổi	Tiết								
Sáng	1	HĐTN	Toán	Mĩ Thuật	Toán	Toán			
	2	Âm nhạc	Tiếng Việt	TNXH	Tiếng Việt	Tiếng Việt			
	3	Toán	Tiếng Việt	Toán	TNXH	Tiếng Việt			
	4	Đạo Đức	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Tiếng Việt	ĐTV			
	5			HĐTN					
Chiều	6	Toán TC	Tiếng Việt	Sinh hoạt chuyên môn khối	Toán TC	TVTC			

	7	Toán TC	Tiếng Việt	theo kế hoạch	GDTC	TVTC			
	8	TVTC	GDTC		TVTC	HĐTN			
Tổng số tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP

TT	Nội dung	Số lượng tiết học/ Tuần	Chi chú
1	Tiếng Việt	10 tiết/ tuần	
2	Toán	5tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	Tự nhiên và Xã hội	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1 tiết/ tuần	
7	HĐTN	3 tiết/ tuần	
8	Thể dục/GDTC	2 tiết/ tuần	
9	Đọc thư viện	1 tiết/ tuần	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	7	
11	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM 2 lần/tháng	SHCM 2 lần/tháng
12	Các ngày nghỉ trong năm	4 ngày	Tết dương lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; ngày 30/4, 1/5 Giải phóng Miền Nam ;Quốc tế lao động và. Căn cứ vào kế hoạch nghỉ của cấp trên sẽ có lịch điều chỉnh dạy bù phù hợp.
13	Tổng số tiết học kỳ I	594	
14	Tổng số tiết học kỳ II	561	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 *(kèm theo kế hoạch khối 2)*

4.3. Đối với khối lớp 3

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(phụ lục đính kèm)*

Thời khóa biểu								
THỜI GIAN	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ	Điều chỉnh

Buổi	Tiết							nhật	
Sáng	1	HĐTN	Tiếng Việt	Tin học	Toán	Tiếng Việt			
	2	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Toán	Tiếng Việt	Toán			
	3	Toán	Đạo đức	Tiếng Việt	Tiếng Việt	Anh văn			
	4	Mĩ Thuật	Toán	ĐTV	Công nghệ	Anh văn			
	5			HĐTN					
Chiều	6	GDTC	Âm nhạc	Sinh hoạt chuyên môn khối theo kế hoạch	Toán TC	TNXH			
	7	TNXH	Anh văn		GDTC	TVTC			
	8	Toán TC	Anh văn		TVTC	HĐTN			
Tổng số tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP

TT	Nội dung	Số lượng tiết học/ Tuần	Chi chú
1	Tiếng Việt	7 tiết/ tuần	
2	Toán	5tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	Tự nhiên và Xã hội	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1 tiết/ tuần	
7	HĐTN	3 tiết/ tuần	
8	Thể dục/GDTC	2 tiết/ tuần	
9	Tin học	1 tiết/ tuần	
10	Công nghệ	1 tiết/ tuần	
11	Anh văn	4 tiết/ tuần	
12	Đọc thư viện	1 tiết/ tuần	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	4	
14	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM 2 lần/tháng	SHCM 2 lần/tháng
15	Các ngày nghỉ trong năm	4 ngày	Tết dương lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; ngày 30/4, 1/5 Giải phóng Miền Nam ;Quốc tế lao động và. Căn cứ vào kế

			hoạch nghỉ của cấp trên sẽ có lịch điều chỉnh dạy bù phù hợp.
16	Tổng số tiết học kỳ I	594	
17	Tổng số tiết học kỳ II	561	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 *(kèm theo kế hoạch khối 3)*

4.4. Đối với khối lớp 4

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(phụ lục đính kèm)*

Thời khóa biểu									
THỜI GIAN		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh
Buổi	Tiết								
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Anh văn	Toán Tiếng Việt			
	2	Toán	Tiếng Việt	Đạo đức	Anh văn	Tiếng Việt			
	3	Anh văn	Tiếng Việt	LS-ĐL	Mĩ thuật	Tiếng Việt			
	4	Anh văn	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	GDTC			
	5			HĐTN					
Chiều	6	Tiếng Việt	LS-ĐL	Sinh hoạt chuyên môn khối theo kế hoạch	Toán	Toán TC			
	7	Tiếng Việt	GDTC		Tiếng Việt	ĐTV			
	8	Khoa học	Toán TC		Khoa học	HĐTN			
Tổng số tiết/tuần		33							

TỔNG HỢP

TT	**Nội dung**	**Số lượng tiết học/ Tuần**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	10 tiết/ tuần	
2	Toán	5tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	Lịch sử - Địa lí	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1 tiết/ tuần	
7	HĐTN	3 tiết/ tuần	

8	Thể dục/GDTC	2 tiết/ tuần	
9	Tin học	1 tiết/ tuần	
10	Công nghệ	1 tiết/ tuần	
11	Anh văn	4 tiết/ tuần	
12	Đọc thư viện	1 tiết/ tuần	
13	Khoa học	2 tiết/ tuần	
14	Hoạt động củng cố tăng cường	2 tiết /tuần	
15	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM 2 lần/tháng	SHCM 2 lần/tháng
16	Các ngày nghỉ trong năm	4 ngày	Tết dương lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; ngày 30/4, 1/5 Giải phóng Miền Nam ;Quốc tế lao động và. Căn cứ vào kế hoạch nghỉ của cấp trên sẽ có lịch điều chỉnh dạy bù phù hợp.
17	Tổng số tiết học kỳ I	594	
18	Tổng số tiết học kỳ II	561	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 *(kèm theo kế hoạch khối 4)*

4.5. Đối với khối lớp 5

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học. *(phụ lục đính kèm)*

Thời khóa biểu									
THỜI GIAN		Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	Chủ nhật	Điều chỉnh
Buổi	Tiết								
Sáng	1	HĐTN	Toán	Toán	Anh văn	Toán			
	2	Toán	Tiếng Việt	Đạo đức	Anh văn	Tiếng Việt			
	3	Anh văn	Tiếng Việt	LS-ĐL	Mĩ thuật	Tiếng Việt			
	4	Anh văn	Công nghệ	Tin học	Âm nhạc	GDTC			
	5			HĐTN					
Chiều	6	Tiếng Việt	LS-ĐL	Sinh hoạt chuyên môn khối theo kế hoạch	Toán	Toán TC			
	7	Tiếng Việt	GDTC		Tiếng Việt	ĐTV			
	8	Khoa học	Toán TC		Khoa học	HĐTN			
Tổng số		33							

tiết/tuần		

TỔNG HỢP			
TT	**Nội dung**	**Số lượng tiết học/ Tuần**	**Chi chú**
1	Tiếng Việt	10 tiết/ tuần	
2	Toán	5tiết/ tuần	
3	Đạo đức	1 tiết/ tuần	
4	Lịch sử - Địa lí	2 tiết/ tuần	
5	Nghệ thuật(Âm nhạc)	1 tiết/ tuần	
6	Nghệ thuật (Mĩ thuật)	1 tiết/ tuần	
7	HĐTN	3 tiết/ tuần	
8	Thể dục/GDTC	2 tiết/ tuần	
9	Tin học	1 tiết/ tuần	
10	Công nghệ	1 tiết/ tuần	
11	Anh văn	4 tiết/ tuần	
12	Đọc thư viện	1 tiết/ tuần	
13	Khoa học	2 tiết/ tuần	
14	Hoạt động củng cố tăng cường	2 tiết /tuần	
15	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM 2 lần/tháng	SHCM 2 lần/tháng
16	Các ngày nghỉ trong năm	4 ngày	Tết dương lịch; Giỗ Tổ Hùng Vương; ngày 30/4, 1/5 Giải phóng Miền Nam ;Quốc tế lao động và. Căn cứ vào kế hoạch nghỉ của cấp trên sẽ có lịch điều chỉnh dạy bù phù hợp.
17	Tổng số tiết học kỳ I	594	
18	Tổng số tiết học kỳ II	561	

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5*(kèm theo kế hoạch khối 5)*

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư, sửa chữa, bổ sung cơ sở vật chất, sân chơi, đồ dùng và thiết bị dạy học.

- Tham mưu xây dựng sân bê tông tại điểm trường phân hiệu; từng bước bổ sung máy tính phục vụ học sinh.

- Rà soát, mua sắm, khai thác và sử dụng hiệu quả thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu Chương trình GDPT 2018.

2. Phát triển đội ngũ

- Xây dựng tập thể sư phạm đoàn kết, trách nhiệm, chủ động và sáng tạo.
- Tổ chức bồi dưỡng thường xuyên, sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, dự giờ, nghiên cứu bài học; chú trọng đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học.
- Khuyến khích cán bộ quản lý, giáo viên tự học, tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.
- Thực hiện đánh giá giáo viên, viên chức khách quan, đúng quy định; chú trọng hỗ trợ giáo viên còn hạn chế, giáo viên mới.

3. Nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên môn

- Thực hiện sinh hoạt tổ chuyên môn đúng quy định, bám kế hoạch giáo dục nhà trường và nhiệm vụ năm học.
- Tập trung nghiên cứu bài học, tháo gỡ khó khăn trong dạy học, đổi mới phương pháp, kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng học sinh.
- Tăng cường chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ chuyên môn giữa các thành viên trong tổ.

4. Bổ sung tích hợp, lồng ghép các nội dung giáo dục sau:

a) Nội dung tích hợp

Thực hiện bổ sung tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục liêm chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; giáo dục tiết kiệm, chống lãng phí; giáo dục, học tập và thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh trong các môn học và hoạt động giáo dục theo kế hoạch, bảng tích hợp đã được nhà trường triển khai đến các khối lớp.

b) Nguyên tắc thực hiện

Tích hợp phù hợp với yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục, đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học và điều kiện thực tế của nhà trường; bảo đảm tự nhiên, thiết thực, vừa sức, không làm thay đổi mục tiêu, nội dung cốt lõi, thời lượng chương trình; tránh trùng lặp, áp đặt hoặc gây quá tải cho học sinh. Ưu tiên hình thành hành vi, thói quen tốt thông qua tình huống gần gũi trong học tập, sinh hoạt và đời sống hằng ngày.

c) Hình thức tổ chức

Giáo viên chủ động lựa chọn nội dung, địa chỉ và mức độ tích hợp theo bảng tích hợp của khối lớp; thực hiện trong các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp như Tiếng Việt, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp, hoạt động Đội và các hoạt động giáo dục tập thể. Nội dung được thể hiện trong kế hoạch bài dạy ở yêu cầu cần đạt hoặc hoạt động giáo dục phù hợp; không nhất thiết đưa thành một mục riêng trong mọi bài học.

Đối với giáo dục liêm chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tiết kiệm, chống lãng phí: chú trọng giáo dục trung thực, công bằng, trách nhiệm, không lấy/chiếm dụng đồ dùng của người khác, biết giữ gìn tài sản chung, sử dụng sách vở, đồ dùng, điện, nước tiết kiệm; biết nhận diện và ứng xử phù hợp với những hành vi không trung thực, lãng phí trong các tình huống gần gũi.

Đối với nội dung giáo dục, học tập và thực hành tư tưởng, đạo đức, phương pháp, phong cách Hồ Chí Minh: lựa chọn những nội dung phù hợp với lứa tuổi, gắn với việc làm cụ thể như yêu thương, đoàn kết, giúp đỡ bạn; chăm chỉ, thật thà, có trách nhiệm; thực hành tiết kiệm; giữ gìn vệ sinh, tài sản; tự giác trong học tập và sinh hoạt.

d) Tổ chức thực hiện và kiểm tra

Phó Hiệu trưởng phụ trách chuyên môn hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện; tổ trưởng chuyên môn triển khai bảng tích hợp đến giáo viên, trao đổi trong sinh hoạt chuyên môn, rà soát sự phù hợp và hạn chế trùng lặp giữa các môn học, khối lớp. Giáo viên căn cứ bảng tích hợp đã được thống nhất để lựa chọn nội dung, điều chỉnh kế hoạch bài dạy và tổ chức thực hiện; phối hợp với Tổng phụ trách Đội, giáo viên chủ nhiệm và cha mẹ học sinh trong các hoạt động giáo dục, rèn luyện hành vi cho học sinh.

Việc đánh giá thông qua quan sát, trao đổi, sản phẩm học tập, việc làm và sự tiến bộ của học sinh; chú trọng mức độ hiểu, thái độ và hành vi thực hành, không tạo thêm bài kiểm tra hoặc hồ sơ riêng không cần thiết. Tổ chuyên môn định kỳ rà soát, chia sẻ minh chứng, đề xuất điều chỉnh; nhà trường kiểm tra, đánh giá và bổ sung khi cần thiết.

đ) Minh chứng thực hiện

Minh chứng gồm: bảng tích hợp của khối lớp; kế hoạch bài dạy có nội dung tích hợp khi phù hợp; sản phẩm học tập, hoạt động trải nghiệm, sinh hoạt lớp/Đội và ghi nhận đánh giá sự tiến bộ của học sinh. Giáo viên sử dụng minh chứng hiện có, lồng ghép trong hồ sơ chuyên môn, bảo đảm gọn nhẹ, thiết thực.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Chỉ đạo xây dựng, triển khai và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.
- Chỉ đạo thực hiện Chương trình GDPT 2018; tham mưu phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và bồi dưỡng đội ngũ.
- Phân công nhiệm vụ, chỉ đạo các tổ chuyên môn và các bộ phận thực hiện kế hoạch; đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

2. Phó Hiệu trưởng

- Trực tiếp chỉ đạo, điều hành các hoạt động chuyên môn theo phân công; theo dõi việc thực hiện chương trình và kế hoạch giáo dục.
- Xây dựng thời khóa biểu; chỉ đạo sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, nghiên cứu bài học, dự giờ và kiểm tra chuyên môn.
- Chỉ đạo hoạt động thư viện, thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, bồi dưỡng học sinh và hỗ trợ học sinh chưa hoàn thành.
- Tổng hợp, đánh giá chất lượng và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động của tổ; tổ chức sinh hoạt chuyên môn đúng quy định.
- Chỉ đạo nghiên cứu bài học, chuyên đề, dự giờ, trao đổi giải pháp nâng cao chất lượng dạy học.
- Theo dõi chất lượng giáo dục của tổ, hỗ trợ giáo viên và báo cáo kết quả thực hiện.

4. Tổng phụ trách Đội

- Xây dựng và tổ chức các hoạt động Đội, trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống theo kế hoạch nhà trường.

- Phối hợp với Phó Hiệu trưởng, giáo viên và các bộ phận tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với học sinh và điều kiện thực tế.

5. Giáo viên

- Thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giáo dục và quy chế chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng học sinh, môn học được phân công.

- Tích cực tự học, bồi dưỡng chuyên môn, tham gia sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề, dự giờ và các hoạt động giáo dục.

- Phối hợp với nhà trường, cha mẹ học sinh và các bộ phận trong giáo dục học sinh; chủ động đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng.

6. Nhân viên

- Thực hiện nhiệm vụ theo vị trí việc làm và kế hoạch nhà trường; phối hợp với giáo viên trong các hoạt động giáo dục học sinh.

- Thực hiện tốt công tác thư viện, y tế, thiết bị, tuyên truyền và các nhiệm vụ được phân công.

Trong quá trình thực hiện**,** các bộ phận thường xuyên theo dõi, đánh giá kết quả và kịp thời đề xuất điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.

Người xây dựng kế hoạch
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Văn Tình

Nơinhận:
- Phòng VHXH xã (để b/c)
- CBGVNV để thực hiện.
- Lưu VT.

Phê duyệt của Hiệu trưởng

U.B.N.D XÃ QUẢNG PHÚ T. THANH HÓA
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI

Nguyễn Thị Ngọc Lệ